

VÀI VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH Ở NƯỚC TA VÀ THỰC HIỆN Ở MỘT SỐ DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN BẮC

NGUYỄN DƯƠNG BÌNH

Hiện nay, vấn đề dân số - kế hoạch hoá gia đình mang tính toàn cầu.

Theo những con số đã được công bố :

Năm 1650 dân số thế giới khoảng 500,5 triệu người;

Năm 1820	1 tỷ người
1930	2 tỷ 70 triệu người
1975	4 tỷ 67 triệu người
1991	5,4 tỷ người;

Theo dự tính dân số thế giới:

Năm 2000	6,2 tỷ người
2010	7,1 tỷ người
2025	8,5 tỷ người

Nếu tính từ 1991 so với năm 1650 trong khoảng 341 năm dân số thế giới tăng lên gần 5 tỷ người và nếu theo ước tính đến năm 2025 so với năm 1650 trong vòng 375 năm dân số thế giới tăng khoảng 8 tỷ người. Ở Việt Nam tình trạng gia tăng dân số còn mạnh mẽ hơn. Chỉ tính trong hơn 1 thế kỷ qua:

Năm 1870 cả nước có khoảng 7 triệu người

1920	15 triệu người
1960	30 triệu người
1985	60 triệu người
1993	70 triệu người

Như vậy, trong vòng hơn 120 năm, dân số ta gấp 10 lần, so với mức tăng chung của thế giới trong khoảng thời gian đó, dân số nước ta tăng gấp đôi.

Theo những nhà dân số học, hàng năm nước ta tăng khoảng 1,5 triệu người trong những năm gần đây. Vào năm 2000 theo dự báo nước ta có khoảng 83-85 triệu dân.

Việt nam có dân số đứng thứ 12 trên thế giới, so với Châu Á chúng ta đứng thứ 7 (Sau Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Indônêsi-a, Nhật Bản, Băngladét), so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, chúng ta đứng hàng thứ hai chỉ sau Indonesia.

Có một điều tưởng như nghịch lý là những nước phát triển như Tây Âu và Bắc Mỹ có thu nhập bình quân tính theo đầu người khoảng trên dưới 20.000 USD, không những hạn chế sinh đẻ, giảm sinh mà ngược lại khuyến khích sinh đẻ vì dân số đang tăng rất chậm hoặc có chiều hướng suy giảm ở những nước đó, có những chính sách và biện pháp giúp đỡ trong thai sản và trợ cấp cho những gia đình đông con.

Ngược lại, trong những năm đang phát triển hoặc kém phát triển ở Châu Á, Châu Phi và Mỹ - la - tinh tình trạng tăng dân số quá nhanh là một nguy cơ lớn đang đè nặng lên đời sống và sự phát triển kinh tế, văn hoá ở những nước đó và vấn đề lương thực, thực phẩm luôn là những vấn đề nhức nhối.

Việt Nam ta cũng ở trong tình trạng trên, sự gia tăng dân số là một thách thức lớn, cho sự phát triển về kinh tế, văn hoá ở nước ta.

Như đã trình bày ở trên, trong khoảng 120 năm dân số nước ta tăng lên 10 lần, một số liệu thật đáng quan tâm. Không phải ngẫu nhiên mà trong vài thập kỷ qua, Đảng và Nhà nước ta coi chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình lên hàng quốc sách. Chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể nhưng so với yêu cầu đặt ra còn tương đối chậm.

So với những nước trong khu vực như Indônêsi-a, Thái lan, chúng ta đề ra chính sách dân số sớm hơn (từ đầu những năm 60, chúng ta đã đề ra chính sách dân số, chủ yếu là hạn chế sinh đẻ), nhưng ta lại có những bước tiến chậm hơn họ. Hoặc ở nước láng giềng phương Bắc, Trung Quốc đã có những thành tích đáng kể trong vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình. Mức độ tăng dân số ở những nước nói trên so với Việt Nam thấp hơn về mặt tỷ lệ. Chúng ta có thể trao đổi và học hỏi kinh nghiệm ở những nước đó, nơi có điều kiện xã hội văn hoá gần giống ta. Hình như vấn đề này chúng ta quan tâm chưa đầy đủ.

Trong 10 năm đổi mới, tính từ 1986 chúng ta có những bước tiến đáng kể và phát triển kinh tế. Từ một nước nhập khẩu gạo, thiếu đói thường xuyên, chúng ta trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới. Nhưng theo một số nhà khoa học, nhà kinh tế học mức tăng về lương thực tính theo đầu người của chúng ta không đáng kể. Số lượng về sản lượng lương thực tăng khá nhanh nhưng mức tăng về dân số quá nhanh nên số lượng tính theo đầu người có những lúc lại giảm so với trước.

Nếu mức độ gia tăng dân số ở mức cao, chúng ta vẫn ở trong tình trạng chưa thật sự ổn định và an toàn về lương

thực.

Nạn đói khủng khiếp của Châu Phi trong những năm gần đây đã cướp đi sinh mạng của hàng triệu người mà một trong những nguyên nhân là mức độ tăng dân số quá nhanh và sự suy kiệt của rừng.

Những bài học của thế giới luôn cảnh báo chúng ta, cần đẩy mạnh vấn đề dân số kế hoạch hoá gia đình lên một tầm cao mới. Chúng ta không chỉ chú ý đến tuyên truyền giáo dục mà cần có biện pháp cụ thể để thực hiện nó. Nhiều chính sách và biện pháp cụ thể đã đưa lại kết quả. Chẳng hạn, chúng ta không thực hiện việc gia đình đông người, đông con được phân nhà rộng hơn, chế độ lương mới không khuyến khích gia đình nhiều con.v.v.

Tuy nhiên, những biện pháp trên chủ yếu mới thực hiện ở thành thị và khu vực nhà nước, còn ở nông thôn cũng cần có những biện pháp hữu hiệu để thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Nếu chúng ta phân phối ruộng đất gia đình đông con tính theo lao động cũng như gia đình ít con sẽ không thực hiện tốt việc giảm sinh và kế hoạch hoá gia đình. Cũng không phải là khó hiểu lắm việc chia hộ, thành lập gia đình ở độ tuổi còn trẻ để tranh thủ được chia đất thổ cư.v.v. phân nào đã ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách dân số. Có những chính sách, biện pháp tốt, hợp lòng dân thì việc thực hiện sẽ đưa lại những kết quả cụ thể.

Trong bài này chúng tôi muốn lưu ý đến vấn đề các dân tộc thiểu số ở miền núi và chú ý nhiều đến các dân tộc có dân số tương đối đông ở miền Bắc, chủ yếu từ năm 1960 trở lại đây.

Theo số liệu điều tra dân số:

Dân tộc	1960	1974	1979	1989
Tày	503.995	774.351	901.802	1.190.342
Mường	415.658	596.191	686.082	914.596
Thái	385.191	631.753	766.720	1.040.549
Nùng	313.998	472.750	559.702	705.709
Hmông (Mèo)	219.514	348.722	411.074	558.053
Dao (Mán)	186.071	290.792	346.785	473.945
Sán Diu	33.913	57.440	65.508	94.630
Cao Lan - Sán Chỉ	22.543	41.910	77.012	114.012

Qua các số liệu trên, chúng ta thấy những dân tộc thiểu số miền Bắc có dân số đông trong vòng gần 30 năm (từ 1960 đến 1989), dân số nói chung đều tăng lên gấp đôi và có dân tộc như Sán Diu và Sán Chay tăng lên 3 lần.

Việc gia tăng dân số như vậy là quá nhanh, sự phát triển về kinh tế, xã hội và văn hoá không đi theo kịp. Đây là một trong những nguyên nhân đáng chú ý là việc xuống cấp về giáo dục, y tế, tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em.v.v. ở miền núi.

Vào năm 1970, nhìn chung chúng ta chưa đặt ra vấn đề dân số, và kế hoạch hoá gia đình ở các dân tộc thiểu số. Đối với dân tộc thiểu số ở miền núi, rẻo cao lại khuyến khích phát triển dân số, vấn đề hạn chế sinh đẻ không đặt ra.

Thực tiễn trong những năm gần đây chứng tỏ việc thực hiện chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình cần phải thực hiện ở các tỉnh miền núi nhất là với các dân tộc thiểu số có số lượng đông. Lấy một dân tộc như người Mường qua sử liệu của mấy chục năm gần đây:

1936-1937 : 163.369 ⁽¹⁾

1960 : 415.658

1974 : 596.191

1979 : 686.082

1989 : 914.596 ⁽²⁾

Theo những số liệu trên, chúng ta thấy qua khoảng 50 năm, người Mường dân số tăng khoảng 4 lần. Một con số cần quan tâm có hiện tượng cần chú ý là sau cách mạng tháng Tám và nhất là sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, do được tăng cường về giáo dục, y tế... , hạn chế về xoá bỏ nhiều tập tục lạc hậu nên dân số tăng khá nhanh. Hiện tượng "hữu sinh vô dưỡng", tỷ lệ chết cao ở các dân tộc miền núi đã thấp đi nhiều. Tỷ lệ sinh cao hơn tỷ lệ chết rất nhiều, nên việc gia tăng dân số diễn ra khá mạnh mẽ, nhất là với các dân tộc có số dân đông và số dân tộc thiểu số ở trong rừng sâu, núi thẳm đứng trước nguy cơ diệt chủng đã không xảy ra.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân trong đó có sự "bùng nổ dân số" ở nhiều dân tộc thiểu số có trình độ phát triển chậm, những khó khăn trong đời sống hàng ngày tăng lên, và khoảng cách giữa vùng thấp và vùng cao, giữa miền xuôi và miền núi không những không bị thu hẹp lại mà nhiều lúc nhiều nơi còn sâu rộng hơn.

Dân số tăng lên, nhu cầu lương thực, thực phẩm càng lớn, người ta phải chặt phá rừng để làm lương thực. Phương châm tự túc lương thực, hậu cần tại chỗ buộc người dân địa phương không còn

⁽¹⁾ . Theo tài liệu của J. Cuisinier trong Les Muong.

⁽²⁾ . Cần lưu ý số trước đây thuộc dân tộc Mường, sau đổi thành người Thổ ở Thanh Hoá, Nghệ An.

cách nào khác là chặt rừng làm nương rẫy để sản xuất lương thực.

Theo những số liệu có được vào những năm trước cách mạng tháng Tám (1945), tỷ lệ rừng được che phủ là khoảng gần 45%, nhưng cho đến nay khu vực rừng che phủ ở Tây Bắc chỉ còn 10%. Sơn La dưới 10%, còn Lai Châu trên 10%. Người ta dự đoán rằng nếu tốc độ bị huỷ diệt như hiện nay thì chỉ trong vài thập kỷ tới, miền Bắc nước ta sẽ không còn rừng tự nhiên.

Trước đây khi dân số còn ít, người ta có thể thực hiện luân canh và lưu canh cho rừng tái sinh mới trở lại canh tác. Sản xuất có tính quay vòng khép kín. Ngày nay rừng không còn đủ để thực hiện chế độ canh tác như vậy do dân số tăng lên ruộng đất có hạn, rừng bị khai thác cạn kiệt, nhiều dân tộc thiểu số ở miền Bắc thiếu tư liệu sản xuất.

Vấn đề tăng dân số nhanh là một trong những nguyên nhân khiến nhiều dân tộc thiểu số miền Bắc di dân tự phát và tự do vào các tỉnh Tây Nguyên và miền đông Nam Bộ để sinh sống. Chúng ta thấy những người di dân tự do có một phần lớn các dân tộc thiểu số có dân đông như Tây, Nùng, Thái, Mường, Hmông, Dao.

THÁCH THỨC.... (Xem tiếp trang 27)

quán lạc hậu, tạo sự chuyển biến tốt trong đồng bào ý thức sinh ít con để nuôi con khoẻ, dạy con ngoan.

5. Giải quyết mối quan hệ điện, đường, trường, trạm và nâng cao mức

Có những dân tộc như người Mường trước đây ít di chuyển dân cư, nay cũng thấy có trong dòng người di chuyển vào các tỉnh Tây Nguyên. Hoặc như người Hmông không chỉ di cư trong nước mà còn di cư sang các nước láng giềng, gây khó khăn cho nước bạn. Vấn đề trên có nguyên nhân từ phát triển dân số.

Trên đây là một số suy nghĩ về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình. Thực hiện vấn đề này không chỉ ở dân tộc đa số mà còn ở dân tộc thiểu số.

Vấn đề cần thực hiện đồng bộ giữa các ngành kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế... Phải có sự quan tâm đúng mức của các ngành, các cấp thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, chúng ta mới có điều kiện phát triển vững chắc mọi mặt ở nước ta.

Đối với miền núi và các vùng dân tộc thiểu số lại cần chú ý những nơi còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng sâu vùng xa. Cần phải hiểu đặc điểm từng dân tộc, từng vùng, nếu không sẽ không được người dân ủng hộ. Cần phải kiên trì uốn nắn những suy nghĩ và tập tục không phù hợp với vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.

sống cho đồng bào với công tác DS-KHHGD và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng nhằm phát triển bền vững các dân tộc thiểu số Việt nam.